

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HS-ST
Ngày: 25 - 7 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Chi.

2. Ông Trương Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Trần Bảo C, sinh ngày 01/8/1998 tại huyện G, tỉnh Kiên Giang; nơi thường trú: Ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp X, xã H, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn X và bà Chung Cẩm D; vợ là Phan Thị Mộng C1 và 02 người con (con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2024); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định số 25/QĐ-XPHC ngày 10/12/2024 Công an xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là Công an xã H, tỉnh An Giang), xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy số tiền là 1.500.000 đồng; bị tạm giữ ngày 01/01/2025 chuyển sang tạm giam kể từ ngày 10/01/2025 cho đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Trần Đăng K, sinh ngày 03/6/1997 tại huyện G, tỉnh Kiên Giang; nơi thường trú: Tổ A, ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là tổ A, ấp A, xã V, tỉnh An Giang); nơi ở hiện tại: Tổ A, ấp K, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (nay là tổ A, ấp K, xã M, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh C2 và bà Nguyễn Thị Kim H; vợ là Nguyễn Ngọc C3 và 01 người con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định số 64/2024/QĐ-TA ngày 27/11/2024 của

Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 - An Giang), áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian là 14 tháng; bị tạm giam kể từ ngày 15/01/2025 cho đến nay (có mặt).

Bị hại:

Chị Mai Kim N, sinh năm: 1997 (có đơn đề nghị vắng mặt). Nơi cư trú: Ấp N, xã N, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Chung Cẩm D, sinh năm: 1959 (có mặt). Nơi cư trú: Ấp X, xã H, tỉnh An Giang.

- Anh Trần Việt T, sinh năm: 1989 (có đơn đề nghị vắng mặt). Nơi cư trú: Ấp H, xã H, tỉnh An Giang.

- Anh Trần Hải Đ, sinh năm: 1989 (có đơn đề nghị vắng mặt). Nơi cư trú: Ấp C, xã H, tỉnh An Giang.

- Chị Trần Thị Huyền T1, sinh năm: 1992 (vắng mặt). Nơi cư trú: Ấp C, xã H, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ, ngày 30/10/2024, bị cáo Trần Bảo C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM Engel (không xác định được biển số) chở bị cáo Nguyễn Trần Đăng K tham gia giao thông trên tuyến đường tỉnh 933, theo hướng từ cầu C thuộc xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang về thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Trên đường tham gia giao thông, bị cáo K phát hiện chị Mai Kim N đang điều khiển xe mô tô biển số 68G1-842.86 đi cùng chiều (phía trước), tay đang cầm điện thoại, bị cáo K nảy sinh ý định cướp giật nên nói với bị cáo C về ý định cướp giật điện thoại và bị cáo C đồng ý.

Do đó, bị cáo C điều khiển xe chạy theo xe của chị N, khi đến cầu L thuộc ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang, bị cáo K nói với bị cáo C chạy xe áp sát để bị cáo K giật điện thoại, nên bị cáo C điều khiển xe chạy song song và áp sát xe của chị N, bị cáo K dùng tay phải giật lấy tài sản là điện thoại nhãn hiệu Apple, loại iphone 13, màu trắng của chị N đang cầm trên tay.

Sau khi giật được điện thoại, bị cáo C điều khiển xe tăng tốc tẩu thoát, chị N điều khiển xe đuổi theo, khi thấy chị N đuổi theo (cách khoảng 50m), bị cáo K cầm cây dao Thái Lan (cán gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, dài khoảng 15cm) đưa về hướng chị N, mục đích hù dọa chị N, khi thấy bị cáo K cầm dao hù dọa, chị N không đuổi theo.

Sau đó, bị cáo C điều khiển xe theo chỉ dẫn của bị cáo K rẽ vào đường lộ bê tông theo tuyến kênh Miếu Ông T2 thuộc xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang, đi được một đoạn thì dừng lại, bị cáo K vứt bỏ cây dao Thái Lan xuống sông và đưa điện thoại cho bị cáo C tháo sim vứt bỏ xuống sông. Tiếp đó, bị cáo K

điều khiển xe chở bị cáo C đến nhà cha của anh Trần Vĩnh P thuộc xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Tại đây, có mặt anh P và anh Nguyễn Thanh H1, bị cáo K nói cho anh P và anh H1 nghe việc vừa giật được điện thoại, nhưng anh P và anh H1 không nói gì. Sau đó, bị cáo K mượn xe mô tô của vợ anh P và kêu bị cáo C đi mở khoá iCloud điện thoại vừa giật được để bán giá cao (bị cáo K không có nói cho vợ của anh P biết mục đích mượn xe), bị cáo C điều khiển xe đến cửa hàng điện thoại Trần T (anh Trần Việt T là chủ) thuộc ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang, bị cáo C nói với anh T mở khoá iCloud, anh T đồng ý nhận điện thoại và hẹn sẽ báo giá tiền sau, bị cáo C gửi điện thoại lại và về nhà cha của anh P. Bị cáo K, bị cáo C và anh H1 cùng nhau đi đến nhà anh Nguyễn Tấn H2 thuộc ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang xin ngủ qua đêm nhưng anh H2 không đồng ý. Do đó, các bị cáo K, C và anh H1 thống nhất đến nhà trọ Ú thuộc ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang thuê phòng ngủ, trước khi đi bị cáo K rủ chị Trần Thị Huyền T1 cùng đi và nhờ anh H2 chở cả nhóm đến nhà trọ Ú T3, khi đến nhà trọ các bị cáo K, C, anh H1 và chị T1 thuê phòng và cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy, chơi Game.

Khoảng 09 giờ, ngày 31/10/2024, bị cáo K nhờ chị T1 kêu xe ôm dùm, mục đích chở bị cáo C đến cửa hàng điện thoại Trần T để bán điện thoại do bị cáo C và bị cáo K cướp giật được của chị N; chị T1 và anh Trần Hải Đ (người chạy xe) không biết mục đích kêu xe dùm và chở bị cáo C đi bán tài sản cướp giật được, khi đến cửa hàng điện thoại Trần T, bị cáo C đi vào, đồng ý bán điện thoại với giá 2.500.000 đồng và anh T đồng ý mua.

Sau khi bán điện thoại xong, bị cáo C đem tiền về đưa cho bị cáo K, bị cáo K cho bị cáo C 400.000 đồng, số tiền còn lại 2.100.000 đồng bị cáo K tiêu xài cá nhân.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Kiên Giang ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố Trần Bảo C và Nguyễn Trần Đăng K về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi tắt là Bộ luật Hình sự).

- Vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple iphone 13, màu trắng, số IMEI 1: 352691136506409, IMEI 2: 352691136629714 (của chị N, đã qua sử dụng).

- Vật chứng không thu giữ được: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SYM Engel (không xác định được biển số) và 01 (một) cây dao Thái Lan (cán gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, dài khoảng 15cm).

- Bản kết luận định giá tài sản số: 01/BKL/HĐĐG ngày 08/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự xác định: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple iphone 13, màu trắng, số IMEI 1: 352691136506409, IMEI 2: 352691136629714; theo giá khảo sát trên thị trường tại thời điểm ngày 30/10/2024, tỷ lệ còn lại của tài sản 60% như sau:

$10.500.000 \text{ đồng} \times 60\% = 6.300.000 \text{ đồng}$ (sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo C, bị cáo K và người tham gia tố tụng không khiếu nại về kết luận định giá tài sản nêu trên.

Bản cáo trạng số: 32/CT-VKS ngày 12/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - An Giang), truy tố các bị cáo Trần Bảo C, Nguyễn Trần Đăng K về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo C và bị cáo K về tội “Cướp giật tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 - 2 Điều 51, Điều 17, khoản 1 Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Bảo C từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội cướp giật tài sản.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 - 2 Điều 51 Điều 17, khoản 1 Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Đăng K từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội cướp giật tài sản.

Về hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự: Bị cáo C và bị cáo K có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đề nghị ghi nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Kiên Giang trả cho chị N tài sản là: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple iPhone 13, màu trắng, số IMEI 1: 352691136506409, IMEI 2: 352691136629714.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại là chị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh T không yêu cầu, đề nghị không xem xét.

Đối với hành vi mua tài sản (điện thoại) của anh Trần Việt T do bị cáo C bán, anh T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, đồng thời anh T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định. Do đó, hành vi của anh T không cấu thành tội phạm.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo C, bị cáo K, anh Nguyễn Thanh H1 và chị Trần Thị Huyền T1 khi có đủ căn cứ sẽ được tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của chị Trần Thị Huyền T1 (kêu xe dùm) và anh Trần Hải Đ (điều khiển xe chở bị cáo C đi bán tài sản cướp giật). Chị T1 và anh Đ không biết nên không cấu thành tội phạm.

Theo văn bản đề nghị gửi Tòa án, chị Mai Kim N là bị hại trình bày:

Chị đã nhận lại tài sản bị cướp giật là: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 13, màu trắng, không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Về hình phạt đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo C.

Bà Chung Cẩm D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày:

Bà là mẹ của bị cáo C, trong thời gian bị cáo C bị tạm giữ, tạm giam đã yêu cầu bà đến cửa hàng điện thoại Trần T, trả cho anh T số tiền là 2.500.000 đồng (có biên nhận tiền của anh T kèm theo), gia đình bị cáo K đã đưa lại cho bà một khoản tiền tương ứng, không yêu cầu bị cáo C phải trả lại cho bà số tiền nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C.

Lời nói sau cùng của bị cáo C và bị cáo K: Biết hành vi vi phạm là vi phạm pháp luật, các bị cáo rất ăn năn hối hận, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Bảo C và bị cáo Nguyễn Trần Đăng K thừa nhận hành vi vi phạm đúng với nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, cụ thể:

Khoảng 15 giờ, ngày 30/10/2024, bị cáo C điều khiển xe mô tô chở bị cáo K tham gia giao thông trên tuyến đường tỉnh 933, theo hướng từ cầu C thuộc xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã H, tỉnh An Giang) về thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã G, tỉnh An Giang). Trên đường tham gia giao thông, bị cáo K phát hiện chị N đang điều khiển xe cùng chiều (phía trước), tay cầm điện thoại. Do đó, bị cáo K nảy sinh ý định cướp giật, nói cho bị cáo C nghe và được bị cáo C đồng ý.

Bị cáo C điều khiển xe chạy theo xe của chị N, khi đến cầu L thuộc ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp H, xã H, tỉnh An Giang), bị cáo C điều khiển xe chạy song song, áp sát vào xe của chị N và bị cáo K dùng tay phải giật lấy điện thoại nhãn hiệu Apple iphone 13, màu trắng của chị N và điều khiển xe tăng tốc tẩu thoát, trên đường tẩu thoát bị cáo K còn có hành vi dùng cây dao Thái Lan đưa về hướng chị N, mục đích hăm dọa chị N.

Khoảng 09 giờ, ngày 31/10/2024, bị cáo C đến cửa hàng điện thoại của anh Trần Việt T để bán tài sản cướp giật được của chị N cho anh T với giá 2.500.000 đồng; số tiền bán điện thoại bị cáo K cho bị cáo C 400.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo K tiêu xài cá nhân; theo kết luận định giá tài sản (01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple iphone 13, màu trắng của chị N), trị giá tài sản bị thiệt hại là 6.300.000 đồng.

Như vậy, lời khai nhận của các bị cáo C và K về hành vi vi phạm đã phù hợp với nhau, phù hợp với các tình tiết của vụ án và các chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo C và bị cáo K có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp nhằm chiếm đoạt tài sản của chị N; các bị cáo đã thực hiện hành vi một cách táo bạo, trắng trợn, công khai, bất chấp hậu quả xảy ra và sử dụng xe mô tô làm phương tiện thực hiện hành vi cướp giật tài sản, trong khi chị N đang điều khiển xe mô tô tham gia giao thông nên thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm.

Đối chiếu hành vi và hậu quả nêu trên của bị cáo C và bị cáo K với quy định của Bộ luật Hình sự đã đủ căn cứ kết luận: Bị cáo C và bị cáo K phạm tội “Cướp giật tài sản”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - An Giang) truy tố bị cáo C và bị cáo K về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Các bị cáo không có ý định cướp giật tài sản của người khác từ trước, khi thấy chị N đang điều khiển xe tham gia giao thông, tay cầm điện thoại nên bị cáo K nảy sinh ý định cướp giật. Cho nên, đây là vụ án có đồng phạm mang tính chất giản đơn, không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm, không có sự phân công, sắp đặt vai trò của những người tham gia. Xét vai trò của các bị cáo cho thấy: Bị cáo K là người chủ mưu, khởi xướng hành vi cướp giật tài sản, chủ động rủ bị cáo C và thực hiện hành vi tích cực. Đối với bị cáo C là đồng phạm và thực hiện hành vi tích cực. Do đó, khi quyết định hình phạt bị cáo K phải nặng hơn so với bị cáo C.

Tại phiên tòa, bị cáo C và bị cáo K nhận thức được tài sản hợp pháp của người khác là bất khả xâm phạm được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều bị nghiêm trị. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo C và bị cáo K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo C, bị cáo K thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Do đó, có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo tích cực tác động gia đình tự nguyện trả cho anh T số tiền là 2.500.000 đồng; ngoài ra, chị N là bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C. Do đó, có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo C và bị cáo K.

Về nhân thân: Bị cáo C bị Công an xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là Công an xã H, tỉnh An Giang), xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy số tiền là 1.500.000 đồng, theo Quyết định số: 25/QĐ-XPHC ngày 10/12/2024 (chấp hành quyết định ngày 18/12/2024). Bị cáo K bị Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 - An Giang), áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian là 14 tháng, theo Quyết định số 64/2024/QĐ-TA ngày 27/11/2024 (ngày 15/01/2025, Cơ sở cai nghiện ma túy ban hành quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định). Do đó, các bị cáo đều có nhân thân xấu và được xem xét khi quyết định hình phạt.

Về hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”. Xét thấy, các bị cáo C và K có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị không phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại là chị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh T, bà D không yêu cầu nên không xem xét.

[5]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Kiên Giang ra quyết định xử lý trả tài sản cho chủ sở hữu là chị M Kim Ngân xong, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại nên Hội đồng xét xử không xử lý.

[6]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo C và bị cáo K, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, khoản 1 Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trần Bảo C phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Bảo C 03 (ba) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 01/01/2025).

2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, khoản 1 Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trần Đăng K phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Đăng K 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 15/01/2025).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Bảo C và bị cáo Nguyễn Trần Đăng K, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Trần Bảo C, bị cáo Nguyễn Trần Đăng K và bà Chung Cẩm D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25/7/2025). Bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- THA tỉnh An Giang;
- VKSND KV5;
- Phòng THA KV5;
- CQĐT Công an tỉnh An Giang;
- Cơ sở cai nghiện ma túy;
- UBND xã nơi cư trú của bị cáo;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Thanh Phát